

Trao đổi với Lê Hữu Mục về một số nhận định của ông qua *Tiếng nói Đoàn thị Điểm trong Chinh-phụ ngâm khúc*¹.

Alexandre Lê

Trưởng nhiệm thầy Hoàng Xuân Hãn

Cách đây một năm, Lê Hữu Mục và Phạm Thị Nhung cho ra mắt độc giả một công trình nghiên cứu về bản diễn âm *Chinh phụ ngâm khúc* 征婦吟曲 hiện hành. Công trình có mục đích giải quyết vấn đề tác giả qua văn bản và bối cảnh lịch sử-văn học. Sách được chia làm hai phần do phân công nghiên cứu. Phạm Thị Nhung là tác giả của phần phân tích văn học, còn Lê Hữu Mục đảm nhiệm phần nghiên cứu âm học. Tôi đặc biệt chú ý đến phần âm học vì qua đó cũng có một số vấn đề mà tôi rất quan tâm và mong đợi như văn bản học, ngữ âm học lịch sử,...

Sau khi đọc các chương của Lê Hữu Mục, tôi có cảm giác như bị choáng ngợp và sau đó là một cảm giác là lạ vì âm hưởng của nó vừa quen thuộc mà lại vừa xa lạ. Quen thuộc vì tôi đã từng thấy cách hành văn và lập luận ấy ở vài công trình trước đây của ông, và xa lạ bởi tính triệt để trong việc huy động hai lĩnh vực bình dân và bác học mà động cơ duy nhất là để tố cáo một sự bất công: Hoàng Xuân Hãn cách đây 50 năm đã tước phụ quyền bản dịch lưu truyền từ tay Đoàn Thị Điểm 段氏點 (1705-1748) để trao về cho Phan Huy Ích 潘輝益 (1750-1822)² trong khi không có chứng cứ vững chắc. Việc tố cáo ấy đồng thời cũng là một nghĩa cử: tiếp tục khẳng định Đoàn Thị Điểm là tác giả của bản dịch *Chinh phụ ngâm* hiện hành, tức làm sống dậy một truyền thống dân gian tốt đẹp đã bị vùi dập.

Khi gập sách lại, câu 'Đoàn Thị Điểm mới là tác giả của *Chinh phụ ngâm khúc*' cứ vang dội trong trí óc tôi như một ám ảnh. Đó là câu mà Lê Hữu Mục không bao giờ quên nhấn mạnh như một khẩu hiệu, một hình ảnh ở ngưỡng ý thức trong khắp công trình của ông. Qua các chương của mình, Lê Hữu Mục xuất hiện không những như một nhà âm học, một nhà ngữ âm học lịch sử, mà còn như một hiệp sĩ với tất cả chủ nghĩa anh hùng và công lý của thời trung đại, và nhất là một nhà hùng biện qua cách lập luận tuyệt đối và bút chiến.

Khi thấy tác giả không những đặt bản chất dân gian của văn học Việt Nam lên làm tiền đề mà còn đào sâu vào tâm lý yêu chuộng cái dân gian, cái nôm na

(bản sắc dân tộc) của người đọc (người Việt) và xem chúng như những tiêu chuẩn để đánh giá một tác phẩm văn học và định vị các nhân vật trong một bối cảnh do chính ông xây dựng, tôi nhận thấy khó có thể trao đổi. Nhưng một khi đi sâu vào cấu trúc của các chương, biết được đâu là thủ thuật tâm lý của tác giả và đâu là vấn đề nghiên cứu, tôi thấy phần của Lê Hữu Mục vẫn còn có chỗ cho người đọc hiểu để phê bình và thảo luận. Tôi xin dẫn ra đây hướng đi cụ thể của các tác giả.

Trong phần giới thiệu, Lê Hữu Mục đã thay mặt cho nhóm nêu lên mục đích của công trình: chống lại "*trường phái chống Đoàn thị Điểm*" [tr. 18] và "*bênh vực quyền lợi làm chủ nhân cuốn Chinh-phụ ngâm của bà Đoàn*" [tr. 9] vì hai tác giả tự hỏi "*làm sao có thể làm ngơ được trước những chuyện bất công xảy ra cho bà Đoàn khi người ta dùng những chứng từ 'không đâu' để hất bà ra khỏi ngôi nhà bà đang ở, mà bà đang làm chủ một cách vinh dự*" [tr. 9].

Lê Hữu Mục còn cho biết rằng sách được biên soạn "*không phải «để chữa một điều lầm trong lịch sử văn chương nước ta»*" [tr. 11] như Hoàng Xuân Hãn đã làm, mà để "*kể thừa và phát triển một tục truyền tốt đẹp đã có từ lâu đời, xuất phát từ Bùi Huy Bích (1744-1818), phổ cập qua Bùi Trọng Đài [sic], Vũ Hoạt và tiếp cận chúng ta ngày nay*" [tr. 11], và ông đã khẳng định rằng "*Tục truyền ấy không phải là một ngoa truyền hay một huyền tưởng hay ảo tưởng giả thác hư cấu. Nó là một truyền kỳ dân tộc.*" [tr. 11].

Để làm được điều ấy, hai tác giả phải chứng minh:

1. Bản diễn âm lưu truyền rộng rãi từ cuối thế kỷ XIX là một tác phẩm của thế kỷ XVIII bằng cách căn cứ vào tiếng Việt qua cấu trúc của chữ nôm. Phần này do Lê Hữu Mục trực tiếp đảm nhiệm được gọi là "phần âm học". Qua các chương của mình, ông nêu ra những vấn đề từ ngữ qua chữ viết (ngữ âm học lịch sử,...) để xác định niên đại của từ vựng, tức niên đại của tác phẩm.

2. Bản diễn âm hiện hành mang đậm nữ tính. Phần này liên quan trực tiếp đến nghiên cứu văn học và đã được Phạm Thị Nhung phụ trách. Bà đi tìm nữ tính của tình cảm do ngôn từ truyền đạt để kết luận phụ quyền của bản diễn âm thuộc về một tác giả nữ, tức thuộc về Đoàn Thị Điểm. Về phần mình, Lê Hữu Mục không nghiên cứu trực tiếp vấn đề mà chỉ thỉnh thoảng kết luận về nữ tính của một chữ hay một chi tiết (như "trung ái", "[túi] dết",...). Ông chủ yếu chỉ nhấn mạnh chỗ đứng của Đoàn Thị Điểm trong bối cảnh văn học thế kỷ XVIII.

Hai hướng đi trên còn được củng cố bởi một lời kêu gọi: "*Chúng tôi chấm dứt ở đây với một mơ ước được như người chinh phu, một mình xông pha ngoài*

¹ Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung, *Tiếng nói Đoàn thị Điểm trong Chinh-phụ ngâm khúc*, Canada: Trung-tâm Việt-Nam học Canada, 2001, 303 tr.

² Hoàng Xuân Hãn, *Chinh-phụ-ngâm bị khảo*, Paris: Minh-Tân, 1953, 292, XL tr.

mặt trận, nhưng được người ở nhà hiểu rõ mọi nỗi khó khăn, chia sẻ mọi cố gắng và đồng ý với mọi việc mình làm" [tr. 11].

Trên đây là phân tóm tắt các hướng đi chủ yếu của các tác giả. Trong bài viết này, tôi chỉ xin nhận định về cách nhìn vấn đề của Lê Hữu Mục cùng với những động cơ thúc đẩy và thao tác cụ thể của ông, tức chủ yếu chỉ trao đổi theo hai trục cơ bản: quan hệ tục truyền-nguồn thư tịch và vấn đề nô học.

I. Vấn đề phụ quyền giữa tục truyền và cứ liệu thư tịch

Qua phần đầu của tác phẩm, Lê Hữu Mục đã nêu bật khái niệm "tục truyền" với tất cả giá trị cộng đồng của nó để khởi xướng và cổ vũ cho một phong trào quần chúng và dùng nó làm động cơ chính cho việc nghiên cứu. Phải chăng động cơ đó có thể cho phép Lê Hữu Mục tiến hành đủ các thao tác phân tích, nhất là đối với việc sử dụng các nguồn thông tin? Phải chăng tính cộng đồng ấy cũng là một thủ pháp tâm lý để nêu lên tính chính đáng của hành động và từ đó kêu gọi một sự chấp nhận vô điều kiện từ người đọc qua câu "... nhưng được người ở nhà hiểu rõ mọi nỗi khó khăn, chia sẻ mọi cố gắng và đồng ý với mọi việc mình làm"? Song, việc yêu cầu chấp nhận vô điều kiện đó lại cho ta thấy rằng chính ông cũng đã nghi ngờ về khả năng thuyết phục của lập luận của mình và "tục truyền" dù đẹp đến đâu cũng không thể tự tạo ra cho mình những chứng cứ vững chắc và triệt tiêu các chứng cứ ngược lại mà các tác giả cho là những "chúng từ không đâu" [tr. 9].

Theo tôi, những gì ta có thể đọc được từ thư tịch cổ hay nghe được từ cửa miệng người kể đều không phải là "tục truyền" mà là những thông tin bước đầu để từ đó tìm hiểu thêm về tính chính xác của chúng, biến chúng thành những dữ liệu với mức độ đáng tin cậy cần thiết. Bằng cách hồ hào cho một phong trào và cộng đồng hóa thông tin, Lê Hữu Mục đã đặt hệ vấn đề vào một môi trường vừa xung đột vừa loãng. Xung đột vì phải gây bè kết phái, lấy nó làm "lẽ" nghiên cứu. Loãng vì khi nhìn vào đây người đọc chỉ có thể có một cái nhìn rất chung chung, không thể bám víu vào một chứng cứ hay chi tiết nào cụ thể và xác đáng. Ở đây, tôi xin xem xét lại nội dung cụ thể của khái niệm "tục truyền" của ông qua các nguồn thư tịch hiện có liên quan đến vấn đề dịch giả tác phẩm *Chinh phụ ngâm*.

I.1. Vấn đề *Chinh phụ ngâm khúc*-Đoàn Thị Điểm hay là "tục truyền" từ Bùi Huy Bích đến Vũ Hoạt.

Khi tuyên bố rằng việc cho Đoàn Thị Điểm là tác giả của bản diễn âm hiện hành là "một tục truyền tốt

đẹp đã có từ lâu đời, xuất phát từ Bùi Huy Bích (1744-1818), phổ cập qua Bùi Trọng Đài [sic], Vũ Hoạt và tiếp cận chúng ta ngày nay" [tr. 11], Lê Hữu Mục dường như không kiểm tra lại những thông tin mình thu được. Chỉ bằng một câu, ông đã tóm tắt lại theo quan điểm của mình tất cả những dữ liệu mà học giới có thể có về vấn đề *Chinh phụ ngâm khúc*-Đoàn Thị Điểm.

I.1.1. Bùi Huy Bích và tục truyền.

Tôi đã xem mục Nguyễn Kiều 阮翹 trong *Hoàng Việt thi tuyển* 皇越詩選 để tìm lại dấu vết của Bùi Huy Bích 裴輝璧 về Đoàn Thị Điểm mà nhiều người đã nêu ra như một dẫn chứng, nhưng chỉ thấy tiêu dẫn sau đây: "[阮翹] 號浩軒, 慈廉富舍人. 永盛十一年進士, 仕至都御史. 以事遭譴 [(Nguyễn Kiều) hiệu Hạo Hiên, người làng Phú Xá, huyện Từ Liêm. Đỗ tiến sĩ năm Vĩnh Thịnh thứ mười một [1715]. Làm quan đến chức đô ngự sử. Vì có sự việc mà bị khiển trách]"³.

Theo tiêu dẫn trên thì Bùi Huy Bích hoàn toàn không nói gì về Đoàn Thị Điểm cũng như không phát biểu gì về bất cứ một bản diễn âm nào⁴. Vậy, một câu hỏi được đặt ra là do đâu mà người ta đã truyền cho nhau rằng Bùi Huy Bích qua *Hoàng Việt thi lục* [sic] đã đưa ra thông tin Đoàn Thị Điểm đã diễn âm *Chinh phụ ngâm*?

Sự kiện này có lẽ xuất phát từ tiêu dẫn có trong *Hoàng Việt thi văn tuyển* 皇越詩文選 (1958) của Nhóm Lê Quý Đôn⁵. Tiêu dẫn ấy như sau: "*Ông [Nguyễn Kiều] hiệu Hạo hiên, người Phú Xá, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-nam, niên hiệu Vĩnh-thịnh thứ II [sic] (1715) đậu tiến sĩ, làm quan tới chức Đô ngự sử. Đi sứ Trung-quốc, lúc trở về được bổ làm Trấn thủ Nghệ-an. Ông là chồng bà Đoàn thị Điểm, dịch giả*

³ Ở trang 62, Lê Hữu Mục dẫn đoạn văn sau đây từ một nguồn không nêu rõ: "... Bản dịch thành công nhất... được phổ biến rộng rãi từ trước tới nay vẫn được coi là của oàn Thị Điểm (theo thuyết của Bùi Huy Bích trong Hoàng Việt thi lục)" [tr. 62]. Song, tôi không tìm đâu ra *Hoàng Việt thi lục*. Theo các nguồn thư tịch thì về Bùi Huy Bích có hai nhan đề tập thơ: *Lịch triều thi sao* 歷朝詩鈔 như đã được Phan Huy Chú 潘輝注 ghi nhận trong *Lịch triều hiến chương loại chí* 歷朝憲章類誌 và *Hoàng Việt thi tuyển* như đã được Nguyễn Tập 阮摺 ghi nhận khi biên tập lại cuốn *Thi sao* và đổi tên sách (tựa năm 1825). *Hoàng Việt thi lục* phải chăng là một sự lẫn lộn giữa hai tác phẩm *Hoàng Việt thi tuyển* của Bùi Huy Bích và *Toàn Việt thi lục* 全越詩錄 của Lê Quý Đôn 黎貴惇? Vì *Hoàng Việt thi lục* có khả năng là *Hoàng Việt thi tuyển* nên tôi đã tìm đọc ở sách này, bản của thư viện Musée Guimet (Paris), ký hiệu: FC 30788 và 30789, q. 5, tờ 18b.

⁴ Ngoài ra, Bùi Huy Bích cũng không nói gì về Đặng Trần Côn và tác phẩm *Chinh phụ ngâm* của ông. Tên Đặng Trần Côn chỉ được nêu ra trong loại "đãi tuyển 待選 [dự tuyển]" trong phần "Hậu Lê thi 後黎詩 [Thơ thời Hậu Lê]" ở cuối q. 3. Nhưng sau hai chữ "đãi tuyển", Nguyễn Tập (biên tập) lại chưa "cụu khuyết 舊缺", tức "bản cũ thiếu".

⁵ Công trình này trích dịch thơ văn vốn có trong *Hoàng Việt thi tuyển* và *Hoàng Việt văn tuyển* 皇越文選 của Bùi Huy Bích.

Khúc Chinh phụ ngâm. Người ta đoán rằng bà Điềm dịch khúc này, trong khi Nguyễn Kiều đi sứ Trung-quốc, hai năm sau mới về" [t. III, tr. 110].

Ta thấy rõ ràng trong tiêu dẫn trên có hai phần. Phần đầu dùng lại tiêu dẫn của Bùi Huy Bích trong *Hoàng Việt thi tuyển* và phần thứ hai là phần bổ sung của Nhóm Lê Quý Đôn. Nếu tác giả đoạn văn do Lê Hữu Mục trích dẫn chỉ căn cứ vào tiêu dẫn trên thì họ dễ dàng cho rằng đó là nguyên văn của Bùi Huy Bích và hoàn toàn lầm lẫn khi khẳng định Bùi Huy Bích cho biết Đoàn Thị Điềm là tác giả của bản diễn âm hiện hành.

Vậy, "tục truyền" của Lê Hữu Mục không phải bắt nguồn từ Bùi Huy Bích mà từ tiêu dẫn của Nhóm Lê Quý Đôn (1958) nếu không phải là từ Vũ Hoạt (1904), và rốt cuộc đây chỉ là một sự ngộ nhận đáng tiếc. Những nhà nghiên cứu thỏa mãn với thuyết này đã quá xem nhẹ các nguồn thư tịch mà mình sử dụng và quá tin tưởng ở "truyền khẩu".

1.1.2. Vũ Hoạt và tục truyền.

Đối với Vũ Hoạt 武活 và Bùi Trọng Đại 裴仲大, vấn đề thực ra không đơn giản như Lê Hữu Mục đã hiểu. Những gì ta biết được về quan niệm của Vũ Hoạt hay quan hệ của Bùi Trọng Đại với vấn đề mà ta quan tâm đều nằm trong bài khai của Vũ Hoạt viết cho lần khắc in năm 1902 của ông⁶. Nội dung bài khai ấy như sau :

此征婦吟有之未有，非宗學者不能。聞所博聞，非寔錄者不顯。思昔鄧先生所作。段夫人演音。屢歷春秋愈久，而備刻愈差。補闕解疑，老烏乎敢。幸得輔仁之友，實在北寧春耕裴氏美字仲大，累世書香，家多積寶。見老懃倦于疑闕，抄存作者遺藁以予之。老念誠非小補，敢刻全編以待後之君子云。

甲辰之秋七月既望。

文階正七品，六十三老武氏千水口謹啓⁷

"Bản Chinh phụ ngâm này có cái chưa có. Nếu không phải kẻ học nổi thì không thể làm được. Muốn được những điều hiểu biết rộng, nếu không có Thực lục thì không rõ hết. Nhớ xưa ông họ Đặng làm sách ấy, bà họ Đoàn diễn âm. Trải qua bao thời, mà càng lâu thì thợ khắc càng sai. Bù chỗ sót, chữa chỗ ngờ, thì lão

⁶ *Chinh phụ ngâm bị lục* 征婦吟備錄 (đồng chung với Phan Trần truyện trùng duyệt 潘陳傳重閱 và *Cung oán ngâm* trong tập *Danh gia quốc âm* 名家國音).

⁷ Tôi đã dẫn lại theo bản hiệu đính của Hoàng Xuân Hãn [sdd., phần chữ Hán : tr. XXXVI], nhưng giữ lại chữ "寔 thực" thay vì "實 thật" do ông đã đổi, vì nghĩ rằng đây có thể là tên của một tác phẩm. Tôi đã dùng lại phần nào bản dịch của ông, nhưng lại cố gắng dịch hết các ý mà ông đã bỏ sót vì đúng về ký hiệu học, chúng giúp ta hiểu rõ hơn nội dung của bài khai.

này đâu dám. May sao gặp được ông bạn [cùng chỉ giúp nhau hướng tới chữ "nhân"] họ Bùi, tự Trọng Đại, người làng Xuân Canh, tỉnh Bắc Ninh, vốn thuộc một nhà có truyền thống trong việc học. Nhà có nhiều của (sách) quý. Thấy lão lao đao về những chỗ sai sót và đáng ngờ, ông đã sao di cáo của tác giả [mà nhà ông] còn có, rồi đưa cho lão. Vì nghĩ rằng bản ấy thực bổ ích không ít, lão mới dám đem khắc cả bài để đãi các quân tử đời sau.

Năm Giáp Thìn (1904), ngày rằm tháng bảy⁸.

Lão già 63 tuổi, hàm chánh thất ban văn, họ Vũ, tự Thiên Thủy Khẩu, kính trình."

Tuy ngắn, bài khai lại cung cấp cho ta một số thông tin cơ bản liên quan đến tình hình của *Chinh phụ ngâm* vào cuối thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX. Tôi xin giữ lại hai ý chính sau đây :

1. Câu "*Nhớ xưa...*" cho ta biết Vũ Hoạt kể lại điều đã nghe hoặc đã đọc được về tác giả của *Chinh phụ ngâm*, tức Đặng Trần Côn, và việc Đoàn Thị Điềm có diễn âm tác phẩm này. Song, nghe được hay đọc được từ đâu thì ông không nói rõ⁹.

2. Vì thấy Vũ Hoạt nhọc tâm vì tác phẩm *Chinh phụ ngâm*, Bùi Trọng Đại đã tặng ông một bản sao từ một bản được gia đình ông lưu trữ mà Vũ Hoạt - có lẽ qua Bùi Trọng Đại - cho là di cáo của tác giả 抄存作者遺藁), tức bản gốc tác phẩm của Đặng Trần Côn.

Qua ngôn từ của bài khai, ta thấy rằng vấn đề văn bản cũng như sự bổ ích của tác phẩm, việc Vũ Hoạt không dám sửa chữa, v.v... đều liên quan trực tiếp đến tác phẩm *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn và tên Đoàn Thị Điềm chỉ được nêu ra một lần với tư cách là dịch giả. Chính hai chữ "tác giả" và "toàn biên" trong bài khai cho phép ta khẳng định những điều này. Qua bài khai, ta thấy Bùi Trọng Đại tuyệt nhiên không nói gì về Đoàn Thị Điềm cũng như không nói gì về bất cứ một bản diễn âm nào. Khi cho rằng "... *phổ cập qua Bùi Trọng Đại* [sic], *Vũ Hoạt...*", Lê Hữu Mục đã hiểu một cách quá phóng túng nội dung của bài khai vì ta không thể suy đoán rằng hễ nêu ra "Chinh phụ ngâm" là tất yếu nói về bản *Chinh phụ ngâm khúc* mà ông khẳng định là của Đoàn Thị Điềm và hễ nói về bản chữ Hán là cũng tất yếu nói về bản diễn âm ấy.

⁸ Ở đây có mâu thuẫn giữa niên đại của bản khắc và niên đại của bài khai. Năm 1902 là năm được ghi nhận ở trang đầu bản *Chinh phụ ngâm bị lục* (Thành Thái Nhâm dần), tức là năm khắc. Song, ở cuối bài khai của Vũ Hoạt thì ghi là Giáp Thìn 甲辰, tức năm 1904. Tôi không thể giải thích được rõ ràng sự chênh lệch này và ảnh hưởng của nó đối với hiểu biết của chúng ta về thực tế khắc in sách thời bấy giờ.

⁹ Hai chữ "nhớ xưa" cũng cho phép ta nghĩ rằng bản nguyên tác và bản diễn âm mà ông cho công bố vốn không mang tên Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điềm, nếu không, có lẽ ông đã khẳng định họ là tác giả của hai tác phẩm này.

Còn quan niệm của Vũ Hoạt như thế nào về tác giả bản diễn âm khi ông cho khắc in kèm theo nguyên tác? Tuy đã cho biết nhận định của mình về tác giả và tình hình văn bản chung của nguyên tác, Vũ Hoạt lại tuyệt nhiên không phát biểu gì thêm về chỗ đứng của Đoàn Thị Điểm và nhất là không cho biết nhận định của mình về bản diễn âm mà ông cho công bố. Phải chăng ông chỉ chú ý đến bản chữ Hán và tác giả của nó, và tin chắc rằng cái tên Đoàn Thị Điểm gắn liền với bản dịch *Chinh phụ ngâm* mà ông đã nghe được hay đọc thấy đủ để đặt nó lên bản diễn âm mà ông sử dụng¹⁰? Nếu đúng như thế thì dù ý thức hay không ý thức, ông cũng đã cụ thể hóa một hội ức, tức đã trao quyền bản diễn âm hiện hành về Đoàn Thị Điểm mà mãi đến năm 1926 mới có tiếng nói ngược lại¹¹.

I.2. Các chứng cứ ngược lại: từ bài *Tân diễn Chinh phụ ngâm thành ngẫu thuật* đến bài tựa cho bản khắc *Tân san Chinh phụ ngâm diễn âm từ khúc*.

Bên cạnh chứng tích của Vũ Hoạt là những chứng tích liên quan đến vấn đề *Chinh phụ ngâm khúc*-Phan Huy Ích. Tuy được phát hiện muộn so với bài tựa của Vũ Hoạt, các dữ liệu này lại mang niên đại rất sớm: bài ngẫu thuật (khoảng 1804) của Phan Huy Ích và bài tựa của bản khắc in năm 1815. Nhưng chúng đã được Lê Hữu Mục và Phạm Thị Nhung đánh giá một cách dứt khoát là "những chứng từ không đâu" [tr. 9]. Lê Hữu Mục đã phân tích bài thơ để bác bỏ nội dung đã được chấp nhận từ trước đến nay. Còn bài tựa trong *Tân san Chinh phụ ngâm diễn âm từ khúc* 新刊征婦吟演音辭曲, Lê Hữu Mục chẳng những đã không nhận định mà còn loại bỏ nguyên văn ra khỏi bản chụp lại mà ông đã đặt ở phần cuối sách. Điều này cho thấy ý chí gạt bỏ những chứng cứ không phục vụ cho quan điểm của ông.

¹⁰ Trang sau tờ bìa bản *Chinh phụ ngâm bị lục* (Long Hòa Hiệu 隆和號 [1902] và Liễu Văn Đường 柳文堂 [1922]) có hai dòng chữ: "青池仁陸鄧陳先生琨著 *Thanh Trì Nhân Mục Đĩnh Trần tiên sinh Côn trí*, 文江中富段夫人點演音 *Văn Giang Trung Phú Đoàn phu nhân Điểm diễn âm*", nghĩa là "Tiên sinh Đĩnh Trần Côn, người làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì soạn. Phu nhân Đoàn Điểm, người làng Trung Phú, huyện Văn Giang diễn âm".

¹¹ Việc Vũ Hoạt có thể gắn cái tên Đoàn Thị Điểm vào bản diễn âm mà ông sử dụng không phải là một giả thuyết vô lý vì ở thời điểm đó, ông - cũng như giới nghiên cứu cho đến năm 1953 - chỉ biết có một bản diễn âm, bản mà ông đã cho khắc in kèm theo nguyên tác. Hơn nữa, cho tới hôm nay ta không thấy một tác giả cô điển nào khác đề cập tới Đoàn Thị Điểm với tư cách là dịch giả bản diễn âm hiện hành. Khi tham khảo *Di sản Hán Nôm - Thư mục đề yếu (Catalogue des livres en Han Nôm)*, tôi thấy nhiều mục từ mang tên Đoàn Thị Điểm. Nhưng khi tiếp xúc với cả thấy là 8 bản diễn âm khác nhau (bản Liễu Văn Đường lấy lại toàn bộ bản Long Hòa Hiệu nên tôi chỉ tính làm một), không bản nào ngoài bản của Vũ Hoạt nhắc đến tên Đoàn Thị Điểm, trong khi 4 trên 8 bản *Chinh phụ ngâm* cho biết Đặng Trần Côn là tác giả. Nhân đây, tôi cũng xin tri ân Viện trường Viện Nghiên cứu Hán Nôm Trịnh Khắc Mạnh và Giáo sư Chu Tuyết Lan đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi tiếp xúc với các bản của Viện.

Theo tình hình đó, tôi xin dẫn lại đây hai tài liệu ấy để nhận định về nội dung của chúng và định vị lại vấn đề tác giả của bản diễn âm hiện hành.

I.2.1. Bài *Tân diễn Chinh phụ ngâm thành ngẫu thuật* của Phan Huy Ích.

Hai mươi năm sau lần khắc in đầu và bốn năm sau lần in thứ hai của *Chinh phụ ngâm bị lục* của Vũ Hoạt, một phản ứng đã phát sinh và gây được tiếng vang lớn trong giới nghiên cứu. Qua một bức thư gửi cho Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến năm 1926, Phan Huy Chiêm lên tiếng cho biết rằng tác giả cuốn *Chinh phụ ngâm khúc* hiện hành không phải là Đoàn Thị Điểm mà là Phan Huy Ích như được ghi trong gia phả¹² và dẫn ra một bài thơ của tác giả để chứng minh. Khi cho biết phản ứng đó, Đông Châu kêu gọi Phan Huy Chiêm sớm công bố bản *Chinh phụ ngâm* mà họ Phan Huy còn giữ được (cả Hán và nôm) để học giới có một ý niệm rõ hơn về tác giả bản diễn âm hiện hành¹³. Nhưng lời kêu gọi ấy sẽ không được đáp lại, hay nói khác đi là không được đáp lại theo mong đợi của Đông Châu.

Phản ứng này không những đã đặt ra một dấu hỏi về tác giả của bản diễn âm hiện hành mà còn mở ra một vấn đề nghiên cứu mới cho học giới qua nội dung của bài thơ: có nhiều bản diễn âm và Phan Huy Ích đã diễn lại theo tiêu chí riêng của mình. Các nhà nghiên cứu đã nối tiếp nhau đi vào vấn đề. Người thì tìm trong gia phả như Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm¹⁴, Trúc Khê Ngô Văn Triện¹⁵. Người thì phân tích ngôn từ để tìm bóng dáng của một tác giả nữ như Thuận Phong Lê Văn Cang¹⁶. Song, một hướng đi còn bỏ ngỏ là việc truy tìm các bản diễn âm khác nhau mà Phan Huy Ích đã nhắc tới. Hướng đi này đã được Hoàng Xuân Hãn khởi xướng và dẫn đến kết luận Phan Huy

¹² Về gia phả, Hoàng Xuân Hãn cho biết "*Gia-phả họ Phan lại có chép rằng: Ông đã từng diễn "Chinh-phụ-ngâm-khúc". Nay các danh-nhân văn-sĩ, cho đến trai gái thôn-quê, không ai không đọc"* [sdd., tr. 53]. Tôi không biết ông đã trích đoạn văn trên từ gia phả hay sách nào, nhưng bên cạnh trích dẫn này, cuốn *Phan tộc công phả* 潘族公譜 (1889-1907) của Phan Huy Dũng 潘輝湧 cũng cho biết: "... 所撰有吟錄文集等部及征婦吟演音曲 [Biên soạn của ông gồm có các bộ ngâm lục, văn tập và *Chinh phụ ngâm diễn âm khúc*] (EFEO MF. I. 8, vi phim của bản A. 2963, 第八世 [Đời thứ tám], tờ 10a).

¹³ Đông Châu, "Phan Dụ-âm tiên-sinh văn tập", [mục:] Văn uyển, [loại:] Cổ văn, *Nam Phong tạp chí*, No. 106, tr. 494-495.

¹⁴ Hoàng Thúc Trâm, *Quốc-văn thời Tây-Son*, Sài Gòn: Nhà sách Vĩnh-Bảo, 1950 [dẫn lại theo Thuận Phong, *Chinh-phụ ngâm-khúc giảng-luận*, bản kỷ nhị, Sài-Gòn: Văn-Hóa xuất-bản, 1952, tr. 20].

¹⁵ Trúc Khê, "Những tài-liệu mới về nữ-sĩ Đoàn Thị Điểm", *Tiểu-Thuyết Thứ-Bảy*, số 4, tháng 7-1944 [dẫn lại theo Thuận Phong, sdd., tr. 19; 254].

¹⁶ Thuận Phong, sdd, tr. 22-39.

Ích là tác giả của bản diễn âm hiện hành như ta đã biết¹⁷.

Song từ mấy năm nay, nội dung của bài thơ mà Phan Huy Chiêm công bố được hiểu khác đi ở một vài học giả, nhất là trong số những người bác bỏ thuyết Phan Huy Ích là tác giả của bản diễn âm hiện hành. Những nhà nghiên cứu này đã đặt lại vấn đề về cách hiểu phần cuối của bài thơ để nghi ngờ về ý nghĩa và tính xác thực của nó¹⁸. Về phần mình, Lê Hữu Mục nghi ngờ về cách hiểu hai câu 5 và 6 vốn có từ trước đến nay.

Các lập luận của Lê Hữu Mục liên quan đến bài thơ nói trên không mang lại một tia sáng nào về vấn đề tác giả *Chinh phụ ngâm khúc* mà chỉ tập trung trả lời Phan Ngọc về hai chữ "thiên chương". Song, kết luận của ông là sáu câu đầu của bài thơ chỉ nói về Đặng Trần Côn, nguyên tác Hán văn (giá trị và phương pháp sáng tác), và phần nào các bản diễn âm có trước, tức hai chữ "thiên chương" không liên quan gì đến bản diễn âm của Phan Huy Ích. Vậy, tôi xin trích dẫn lại đây hai nhận định chính để tìm hiểu về cách nhìn vấn đề trên đây của Lê Hữu Mục :

"Tất cả các chi tiết của bài thơ phải xoay vào chủ đề, chủ đề đó là Đặng Trần Côn và Chinh-phụ ngâm. Không thể để cho một tiền sử như Phan Huy Ích mà lại là tác giả của một bài thơ bất nhất, đoạn đầu nói chuyện A, mà đoạn cuối nói chuyện B. Mỗi một bài thơ chỉ có 8 câu, mỗi câu có nhiệm vụ làm sáng tỏ chủ đề, không vì một lí do nào đi ra ngoài chủ đề được. Nếu tác giả muốn nói đến một nhân vật khác thì cũng lắm có thể đề cập tới trong phần kết luận, điều mà Phan Huy Ích đã làm, nhưng vẫn không quên đặt những liên hệ rõ ràng và cụ thể với chủ đề (tân khúc, tác giả tâm)." [tr. 26-27]

Khi nêu lên tính nhất quán phải có trong một bài thơ, Lê Hữu Mục đã quá tuyệt đối trong nhận định vì tính nhất quán không chỉ giới hạn trong tám câu thơ nếu đó là thơ Đường luật. Tính nhất quán cũng phải có giữa nhan đề và nội dung của bài thơ. Về điểm này, ông đã không giữ lại cả nhan đề và đã rút gọn nó lại thành "ngẫu thuật". Nếu không ông đã thấy vấn đề

không như ông nghĩ, vì không có lý nào Phan Huy Ích đặt nhan đề cho bài thơ của mình là *Tân diễn Chinh phụ ngâm thành ngẫu thuật* mà lại chỉ nói đến Đặng Trần Côn và về phương pháp sáng tác *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn, và không có lý nào ông lại không rõ lý do diễn âm lại của mình trước bao nhiêu công trình đi trước. Dưới đây tôi sẽ trở lại ý nghĩa của các câu thơ quan trọng liên quan đến vấn đề này.

Lập luận thứ hai của Lê Hữu Mục đi sâu hơn nữa vào ý nghĩa của hai câu 5 và 6, nhất là vào các khái niệm "vận luật" và "nhạc thanh" của bài thơ :

"Đặng Trần Côn [...] đã không chỉ dùng vận và luật, vì lí do dễ hiểu là với kĩ thuật hạn hẹp của vận và luật, nhà thơ không có khả năng khai thác được tất cả cái tinh túy thâm sâu của văn mạch (c. 5). Phải đi xa hơn, phải hiểu rõ vai trò của âm nhạc trong thi ca, và do đó, phải dùng thiên pháp và chương pháp (chữ của Phan Ngọc) để nêu cao nhạc điệu từng chữ và tiết điệu từng câu từng đoạn. Phải sử dụng âm nhạc và các kĩ thuật âm nhạc và thanh nhạc mới bày tỏ được cái tâm uyển chuyển của mình. Đặng Trần Côn đã thành công trong việc bày tỏ cái tâm của mình cho độc giả thấy. Phan Huy Ích thấu triệt mọi ngõ ngách của cái tâm ấy nên ông đã tiến hành diễn âm Chinh-phụ ngâm, quả quyết rằng ông đã làm sáng tỏ được cái chủ đích viết Chinh-phụ ngâm của tác giả." [tr. 26]

Thật ra, lập luận này không những mang trong mình một tính chất bí truyền qua các thuật ngữ "âm nhạc", "kỹ thuật âm nhạc", "thanh nhạc", "nhạc điệu" và "tiết điệu" - trong khi tác giả chỉ dùng chữ "nhạc thanh" -, mà còn mâu thuẫn vì tách nhạc tính khỏi "vận" và "luật" là hai phạm trù điều kiện để tạo nên nhạc tính của một sáng tác văn vần. Điều đáng nói hơn hết là hai phạm trù này không phải là thành phần của mạch văn vì diễn tả tâm tư tới đâu thì mạch văn và bài văn dài ra đến đấy. Nếu "vận" và "luật" thực sự là cản trở cho "văn mạch" thì Đặng Trần Côn đã chọn thể văn xuôi rồi. Vậy, làm sao ta có thể nói đến sự hạn hẹp của giới hạn khi giới hạn đang được xây dựng dần theo ngòi bút? Theo tôi, ta chỉ có thể nói tới sự hạn chế khi phải diễn đạt trở lại theo một hình thức đã có, tức là trong thao tác diễn âm¹⁹.

¹⁷ Kết luận của Hoàng Xuân Hãn dựa vào những gì gia đình Phan Huy cho công bố (bản chữ quốc ngữ, bài thơ của Phan Huy Ích) và việc so sánh giữa các bản sưu tầm được. Năm 1964, Lại Ngọc Cang kiểm tra lại hướng đi của Hoàng Xuân Hãn để tìm ra chân lý nhưng cũng không tìm lại được bản vừa Hán vừa nôm mà Phan Huy Chiêm đã nhắc tới và đã kết luận rằng Phan Huy Ích có khả năng là tác giả của bản hiện hành [xem Lại Ngọc Cang, *Chinh phụ ngâm*, Hà Nội : nxb. Văn Hóa, 1964, 384 tr.].

¹⁸ Chẳng hạn như Nguyễn Thạch Giang đi vào sự khác biệt ngữ nghĩa của hai khái niệm "diễn âm" và "phiên dịch" để bác phụ quyền của Phan Huy Ích đối với bản diễn âm hiện hành [xem "Khảo sát lại những điều kiện tồn tại của những giả thuyết xung quanh vấn đề Dịch giả Chinh phụ ngâm khúc", *Tap chí Hán Nôm*, số 1 (14) - 1993, tr. 7-9].

¹⁹ Hai câu này phải chăng là cả một vấn đề vượt ra khỏi khuôn khổ của "vận luật" vì nó nói lên một thực tế khác liên quan đến cả bản chất của hai ngôn ngữ. Phải chăng cùng một ý mà mỗi bên diễn tả một cách khác nhau? Tiếng Việt phải chăng tự sự hơn văn ngôn của tiếng Hán? Và vì tự sự nên kết quả chẳng những đã khác mà còn chiếm nhiều chỗ hơn nguyên tác? Theo thiên ý, cấu trúc của câu thơ văn ngôn là một chuỗi các khái niệm. Hiệu quả của nó ở cấp biểu đạt là tạo ra những hình ảnh và âm thanh vì chủ yếu chỉ nhấn mạnh kết quả của hành động và quá trình hơn là chính quá trình hay hành động đó. Ngoài ra, xin xem thêm phần đầu của bài tựa trong bản in năm 1815 dưới đây để thấy cái nhìn của tác giả của bản diễn âm hiện hành về vấn đề này.

Vậy, nội dung ngữ nghĩa của hai câu thơ này như thế nào? Tôi xin trở lại cả bài thơ để nhận rõ ý nghĩa của chúng:

新演征婦吟曲成偶述

仁睦先生征婦吟
高情逸調播詞林
近來膾炙相傳誦
多有推敲爲演音
韻律曷窮文脉粹
篇章須向樂聲尋
閒中翻譯成新曲
自信推明作者心

Tân diễn *Chinh phụ ngâm khúc* thành ngẫu thuật²⁰

Nhân Mục tiên sinh *Chinh phụ ngâm*,
Cao tình dật điệu bá từ lâm.
Cận lai khoái trá tương truyền tụng,
Đa hữu thời xao vi diễn âm.
Vận luật hạt cùng văn mạch túy,
Thiên chương tu hướng nhạc thanh tâm.
Nhân trung phiên dịch thành tân khúc,
Tự tín suy minh tác giả tâm.

Tình cờ thuật lại sau khi *Chinh phụ ngâm khúc* được diễn mới xong.

Chinh phụ ngâm của ông [người làng] Nhân Mục
Tinh cao, điệu lạ [được] truyền bá chôn từ lâm
Gần đây [người ta thấy] khoái trá mà truyền tụng cho
nhau
Nhiều người có [đem] trau chuốt mà diễn âm
[Nhưng] vận luật làm sao [đạt được] đến cùng cái tinh
túy của văn mạch
Nên hướng về thiên, chương mà tìm âm thanh và nhạc
điệu [mà làm]
Trong lúc nhàn rỗi, [ta] phiên dịch thành khúc mới
[Ta] tự tin rằng [đã] thấu rõ được lòng của tác giả
Tạm dịch sát ý

Tôi hiểu nội dung của bốn câu cuối như sau: Trước thời điểm Phan Huy Ích diễn âm lại không lâu, tác phẩm *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn được nhiều người truyền cho nhau đọc vì là một tác phẩm hay (c. 3) và vì thế nhiều người đã diễn âm tác phẩm này (c. 4). Phan Huy Ích đã tiếp xúc các bản này nên mới nhận định rằng: nếu chỉ theo vận luật mà diễn lại thì không thể lột tả được hết cái tinh túy của văn mạch vốn có trong nguyên tác (c. 5). Nếu muốn bản diễn âm đạt kết quả tốt hơn thì nên tạo ra nhịp điệu ở các cấp thiên và chương (c. 6)²¹.

Hai câu 5 và 6 là nhận định của ông đối với những bản diễn âm có trước và quan niệm diễn âm tốt nhất đối với một tác phẩm như *Chinh phụ ngâm*, tức là lời giải thích tại sao chữ "tân" trong "tân diễn" (nhân đề) và "tân khúc" (c. 7) của bài thơ. Nếu ta chú ý đến ý nghĩa thời gian do hai hư tự "hạt ? [sao]" và "tu 須 [nên]" biểu đạt thì ta sẽ thấy rõ lập luận của Phan Huy Ích không nhằm vào nguyên tác của Đặng Trần Côn mà vào các bản diễn âm đã có và bản sẽ có.

Ngoài ra, bên cạnh bài thơ trên cho phép ta khẳng định Phan Huy Ích đã diễn âm tác phẩm *Chinh phụ ngâm* theo phương pháp riêng của mình, ta còn có một tài liệu thứ hai là bài tựa của tác giả của bản hiện hành (bản khắc in năm 1815). Bài tựa này ít nhất cũng cho biết niên đại của bản diễn âm được công bố. Rất tiếc là Lê Hữu Mục đã không chú ý đến nội dung của nó và nhất là so sánh nó với nội dung bài thơ vừa đề cập tới.

I.2.2. Bài nguyên tựa cho *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc*.

Năm 1970, Nguyễn Văn Xuân đã sưu tầm được ở Huế một bản nôm sao lại từ một bản khắc do Chính Trực Đường 正直堂 in năm Gia Long 嘉隆 thứ mười bốn (1815)²², tức là bản sớm nhất được biết. Nhưng đáng tiếc là bài tựa này lại bị rách phần quan trọng nhất là phần lạc khoản, nên ta không thể khẳng định một cách dứt khoát ai là tác giả của bài tựa này, tức là tác giả của bản diễn âm được công bố. Song, trong nội dung có nhiều chi tiết trùng lặp với nội dung của bài thơ của Phan Huy Ích. Do đó, Nguyễn Văn Xuân là người đầu tiên cho rằng Phan Huy Ích chính là tác giả của bài tựa của bản diễn âm nói trên, tức cũng là tác giả của bản diễn âm A theo phân loại của Hoàng Xuân Hãn. Tôi xin dẫn ra đây phần còn lại của bài tựa ấy để cố gắng tìm sự tương ứng giữa các ý²³:

征婦吟演音新曲元序

以本國音語演中國文字最難, 蓋中國文字, 詩餘而外爲歌調詞格體製繁極. 其措意運語高下疾徐. 用所縱聘國音則傷於局逼, 施諸韻律, 惟挽歌與詞曲二體句法無他也. 解北字而用南音, 不失之鑿, 則流之野. 亦其勢難矣.

²⁰ Nhan đề của bài thơ này không có trong bản của Đông Châu công bố. Phải chờ đến năm 1950, Hoàng Thúc Trâm mới cho biết xuất xứ và nhan đề chính xác của bài thơ cùng với thời điểm sáng tác của nó (1804) [xem Thuần Phong, sdd., tr. 20].

²¹ Thiên và chương là hai phạm trù mang giá trị cấp bậc trong một tác phẩm. Ở đây, Phan Huy Ích có lẽ muốn nhấn mạnh việc tạo nên nhịp điệu không chỉ ở lời qua niêm luật mà còn ở các ý qua việc sắp xếp theo từng đoạn.

²² Xem Nguyễn Văn Xuân, *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc của Phan Huy Ích*, Việt Nam: nxb. Văn Nghệ TP. HCM, 2002, 143; 30 tr. [lần đầu (?): Saigon, Lá Bối, 1972].

²³ Tôi chỉ có thể trích lại và phân tích bản đã được Nguyễn Văn Xuân công bố năm 1972 và năm 2002. Riêng bản năm 1972, hai ông Lạc Thiện và Nguyễn Quảng Tuân đã có nhã ý chụp lại và gửi tặng. Tôi xin chân thành tri ân hai vị. Nguyên văn bài tựa viết liên các ý. Tôi xin phân đoạn theo các ý chính.

夫征婦吟青池仁睦舊(?)²⁴鄧陳先生所著也。先生諱琨，累中場冠御題²⁵，以詞學名世。歷尹巨縣，陞屬臺炤勘。平素雕章□□□□□²⁶林。晚復蒐輯征婦意緒，構成吟調一則，推敲琢鍊三千餘字。真不讓古作。學者□²⁷相抄誦。家喻而戶曉。繼而達人名家各以國音演釋之。或畧敍大意措辭稍艷而體格不符。或依倣全旨，布局近窳而音響欠妥。悠悠五十年來，解此吟者前後誼聒，亦徒虛瀆梨棗而非所以闡發作者面目也。

甲子初春予奉應候使事在北城。閒悶中歷閱舊解。輒復技癢，爰將原吟細加註釋。或約其辭或申其意。凡用詞曲該二百四聯，務使原作之精神理脈。讀之愈覺敷暢，非競...²⁸

Nguyên tựa Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc

Lấy quốc âm mà diễn văn tự Trung Quốc thì hết sức khó khăn. Vì văn tự Trung Quốc, ngoài thơ ra, còn có ca điệu và từ cách mà thể chế thì cực kỳ nhiều. Đặt ý thì vận dụng ngôn từ khi cao khi thấp, khi nhanh khi chậm. Nếu dùng cái phóng túng của mình (?) thì quốc âm sẽ chịu thiệt thòi ở sự câu thúc của bố cục. Và nếu dùng các loại vận luật thì chỉ có văn ca và từ khúc thì không khác nhau về cú pháp. Khi giải chữ phương Bắc mà lấy tiếng Nam thì không mất ở chỗ xuyên tạc thì cũng rơi vào chỗ què mùa. Cái thể đó cũng khó vậy thay.

Chinh phụ ngâm do ông Đặng Trần, người làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì biên soạn trước đây (?). Ông tên húy là Côn. Tìm trùng trường quán ngự đề (?), vì giỏi về từ học mà nổi danh ở đời. Tìm trải làm tri huyện một huyện lớn, thăng Thuộc đãi chiếu khám. Lúc bình sinh vốn gọt giữa văn chương ... rùng ... Cuối đời lại sưu tập các ý tự về chinh phụ, tổ chức thành một điệu ngâm, gọt giữa, tôi luyện được hơn ba ngàn chữ. Thực không nhường những sáng tác xưa.

²⁴ Ở đây, bài tựa viết giống chữ "舊 畧" [𠄎 thay cho 臼], mà ta còn thấy trong nguyên tác *Chinh phụ ngâm* chữ Hán. Nhưng ý nghĩa không được rõ lắm. Tôi xin tạm đề chữ "舊" và dấu hỏi.

²⁵ Chữ ở đây thiếu nét. Rất có thể là chữ " đề 題" như Nguyễn Văn Xuân đã đề nghị.

²⁶ Trong bản in kèm năm 1972 (tr. 3) ở đây thiếu nét ở một chữ và mất năm chữ. Theo bản in kèm năm 2002 (tr. 3) thì năm chữ mất đó đã được bổ sung bởi "句 傳 誦 於 士". Tôi không biết ai đã bổ sung và đã dựa trên cơ sở nào. Tôi tạm theo bản năm 1972 mà để trống.

²⁷ Ở đây thiếu một chữ. Căn cứ vào văn cảnh, tôi nghĩ rằng đây có thể là chữ "giai 皆" hoặc "các 各", với nghĩa là "ai nấy đều", hoặc là chữ "đa 多", với nghĩa là "nhiều người".

²⁸ Trong bài tựa này, có hai chữ viết ký húy: "調 điệu" và "照 chiếu". Chữ "調 điệu" xuất hiện nhiều lần và đều được ký húy như nhau: bỏ các yếu tố "土 thổ" và "口 khẩu" trong phần "周" đề ký húy mẹ của vua Thành Thái, Phan Thị Điều 潘氏調. Trong bài tựa cũng như trong bản *Chinh phụ ngâm* chữ Hán, chữ "照 chiếu" đều được nhất loạt thay bằng chữ "炤 chiếu" đề ký húy vua Thành Thái 成泰 [Về các tên Điều và Chiếu, xem 大南寔錄正編 Đại Nam thực lục chính biên, 第 六 紀 đệ lục kỷ, 附編 phụ biên, 卷 之 一 quyển chi nhất, tờ 1a; EFEO: VIET/A/HIST. 9 (1-13)].

Kẻ học ... cùng nhau sao chép mà đọc. Ai nấy đều biết cả. Rồi sau, các đạt nhân danh gia đều lấy quốc âm mà diễn thích. Có kẻ lược bớt để lấy đại ý, đặt ra lời lẽ đẹp đẽ đôi chút nhưng thể cách lại không phù hợp. Có kẻ lại phỏng y nguyên thức, bố cục thì gần như thô mà âm hưởng ít thoả đáng. Ròng rã năm mươi năm nay, kẻ giải âm khúc ngâm này trước sau cũng chỉ lớn tiếng, chỉ khinh rẻ suông bản khắc, chứ không lấy gì phát huy được diện mạo của tác giả.

Đầu xuân năm Giáp tý, ta phụng mạng ứng hầu việc sứ tại Bắc Thành. Nhân lúc nhàn muộn, duyệt qua các bản giải âm cũ. Liên lại ngửa nghề, nên đem nguyên tác khúc ngâm, thêm chú thích một cách kỹ lưỡng, rồi hoặc lược bớt lời, hoặc kéo dài ý, dùng từ khúc được hai trăm lẻ bốn liên, chỉ cốt phục vụ cho tinh thần và văn mạch của nguyên tác. Đọc lên thì sẽ càng lấy làm thỏa thích chứ không cạnh tranh...²⁹

Bài tựa trên đây cung cấp cho ta một số thông tin quan trọng, liên quan trực tiếp đến các vấn đề mà ta quan tâm, nhất là cho phép ta so sánh các ý vốn có trong bài thơ. Tôi xin đúc kết lại như sau:

Trong phần đầu, tác giả nêu lên đặc điểm của thơ ca chữ Hán (tính đa dạng của thể loại [thi, từ,...], mạch văn của thể loại [cao, thấp, nhanh, chậm,...]) và vấn đề giới hạn trong thao tác diễn âm sang tiếng Việt một tác phẩm văn vần chữ Hán (chịu thiệt thòi ở sự câu thúc của bố cục, mất ở chỗ xuyên tạc, rơi vào chỗ què mùa,...). Cùng với phần ba, phần này có thể giúp ta hiểu được các câu 4, 5 và 6 của bài thơ, nhất là ý nghĩa của hai chữ "thiên" và "chương".

Phần hai của bài tựa đề cập tới tác phẩm của Đặng Trần Côn và giá trị của nó. Đặng Trần Côn là một người có tài về từ học và vì thế mà nổi danh. Cuối đời, ông sáng tác *Chinh phụ ngâm* gồm cả thảy là hơn ba ngàn chữ, bằng cách sưu tầm các ý tứ và từ ngữ trong văn học cổ liên quan đến chủ đề này. Tác phẩm được thưởng thức rộng rãi trong giới trí thức. Phần này tương ứng với các câu 1, 2 và 3 của bài thơ.

Phần ba cho ta biết trong số những người nổi tiếng, có kẻ đã diễn âm vì là một tác phẩm có giá trị. Người thì lược bớt và chỉ giữ lại đại ý, lời lẽ tuy đẹp nhưng thể cách không phù hợp. Có kẻ thì phỏng theo đúng nguyên thể, nhưng bố cục thì gần như thô kệch, âm hưởng không được thỏa đáng. Rốt cuộc qua năm mươi năm, những người diễn âm ấy trước sau chỉ khinh rẻ nguyên tác vì không lột tả được diện mạo của tác giả. Cùng với phần đầu, phần này giúp ta hiểu rõ hơn nội dung của các câu 5 và 6 của bài thơ.

²⁹ Bài tựa này rất khó dịch một phần vì bị rách và phần khác vì rất súc tích. Tôi đã sử dụng lại hầu hết bản dịch của Nguyễn Văn Xuân, chỉ thay đổi một vài chỗ cho sát với nguyên văn, nhưng cũng thấy không được thỏa mãn lắm. Xin chờ sự chỉ bảo của các học giả.

Phần bốn là bối cảnh, không gian (tiếp sứ ở thành Hà Nội) và thời điểm diễn âm lại (năm 1804³⁰), sau khi chú thích kỹ lưỡng nguyên tác, rút bớt hoặc kéo dài ý ở một số chỗ. Bản diễn âm mới được biên soạn theo thể từ khúc gồm hai trăm lẻ bốn liên, tức bốn trăm lẻ tám câu. Dụng ý của tác giả là làm rõ "tinh thần" và "lý mạch" của nguyên tác, để cho người ta thấy thú vị khi đọc. Vậy, phần này tương ứng với các câu 7 và 8, và nhất là làm cho ta hiểu rõ hơn ý nghĩa của cụm từ "tác giả tâm" có trong bài thơ.

Để kết luận phần này, ta có thể nói rằng các dữ liệu trên đây do bài thơ và bài tựa cung cấp hoàn toàn đi ngược lại những gì đã được Vũ Hoạt ghi nhận và những gì các nhà nghiên cứu đã kết luận được từ bài tựa của ông từ một thế kỷ nay. Sau khi phân tích nội dung của bài tựa và sự tương quan giữa nó với bài thơ của Phan Huy Ích, ta có thể hiểu được tại sao Lê Hữu Mục hoặc đã gạt bỏ hoặc đã đánh lạc hướng nội dung chính của hai tài liệu này trong công trình nghiên cứu của mình. Lê Hữu Mục đã không trung thực và khách quan khi gán một tác phẩm mang niên đại rõ ràng cho một tác giả khác mà không phê bình. Nhân danh tục truyền và xác tín của mình, ông đã coi thường những gì đã được ghi nhận trong bài tựa mà ông cũng như mọi nhà nghiên cứu khác không thể phủ nhận được. Song, kết quả cho ta thấy rằng "tục truyền", "truyền kỳ dân tộc", "dân gian" và "truyền khẩu" chỉ là những khái niệm và thực tế rất tương đối, và trong trường hợp cụ thể này đã không tương hợp với thư tịch học, không chịu được thử thách trước những chứng cứ xác đáng.

Đối với vấn đề phụ quyền, phần lạc khoản của bài tựa đã mất nên ta không thể kết luận dứt khoát Phan Huy Ích là tác giả của bản diễn âm hiện hành, tức bản A theo phân loại của Hoàng Xuân Hãn, tuy sự tương quan giữa bài thơ và bài tựa cũng cho phép đưa ra một giả thuyết có sức thuyết phục cao theo chiều hướng này³¹. Song, điều quan trọng là phần còn lại của bài tựa không cho phép ta duy trì thuyết Đoàn Thị Điểm là tác giả của bản diễn âm nói trên, vì ít nhất thời điểm

sáng tác của nó (1804) và chức vị của tác giả vào thời điểm đó hoàn toàn đi ngược lại giả thuyết này.

[CÒN TIẾP : phần 2 và kết luận chung]

³⁰ Tôi cho năm Giáp tý của bài tựa là năm 1804 vì hai chữ "Bắc Thành" là tên gọi thành Thăng Long có từ thời Nguyễn Tây Sơn.

³¹ Tôi cũng xin nói thêm rằng chừng ấy chứng tích cũng là khá nhiều so với những gì được ghi nhận về Đoàn Thị Điểm (cả về chất lẫn lượng). Thư tịch cô có khả năng hỗ trợ cho việc truy tìm tác giả của một tác phẩm vô danh hoặc có vấn đề tác giả quả thực hiếm hoi. Căn cứ vào những gì đã được trình bày, tôi cũng có chiều hướng tin rằng Phan Huy Ích là tác giả của bản diễn âm hiện hành. Nhưng để giải quyết vấn đề này một cách rõ ràng ta phải tìm được toàn văn bài tựa nói trên, mà một hướng đi có thể thực hiện trước hết là thử tìm bài tựa này trong những tập thơ văn của Phan Huy Ích, chủ yếu là trong các bộ *Dụ Am văn tập* 裕庵文集 và *Dụ Am thi văn tập* 裕庵詩文集 [Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A. 604/1-3, q. 5 và VHv. 1525/1-6, t. 1-4]. Nhưng đó là điều mà tôi chưa thể thực hiện được.